TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Hoán dụ qua kinh Kandaraka trong kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya)

ISSN: 2734-9195 13:45 20/11/2026

Hoán dụ giống như chiếc kính lúp để giúp cho người đọc, soi rõ nắm bắt được bản chất sự vật hiện tượng, các triết lý mà đức Phật đã giảng dạy nằm sâu dưới lớp bờ mặt ngôn ngữ.

Đặt vấn đề

Trên bước chân hoằng dương Chính pháp hóa độ chúng sinh của đức Phật ngang dọc khắp Ấn Độ cổ đại. Ngài đã hoá độ nhiều hạng người khác nhau, nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội, từ thấp hèn đến giàu sang quyền quý. Và có khi đức Phật giảng dạy cho số đông quần chúng nơi trú xứ sở đó, có khi một nhóm hay một người hữu duyên với Ngài.

Thông qua các thời Pháp khác nhau, Ngài đã giảng dạy truyền đạt giáo lý dưới nhiều hình thức khác nhau, đều khế cơ, khế lý, khế thời, khế xứ. Và Ngài đã phân tích, giải thích một cách chi tiết, cụ thể, xúc tích, vắn tắt, rộng rãi và lặp đi lặp lại nhiều lần, nhằm giúp cho tất cả mọi người nắm bắt được những triết lý mà Ngài đã truyền tải.

Đặc biệt, Ngài đã khéo léo uyển chuyển trong việc vận dụng phương pháp hoán dụ như là pháp phương tiện, để triển khai phân tích, gửi gắm những triết lý sâu sắc của Ngài đến các vị đệ tử của mình. Nếu như không suy tư, trầm tư, mổ xẻ, phân tích thì sẽ không thấy được những lời ảo diệu, huyền nghĩa trong những lời Ngài đã giảng dạy, nằm sâu dưới lớp bề mặt ngôn ngữ đặc biệt là hoán dụ.

Hoán dụ với cách thức dựa trên cơ sở liên tưởng tương cận, tức là dùng các khái niệm đặc điểm sự vật hiện tượng này, để nắm bắt nhận biết các khái niệm đặc điểm sự vật hiện tượng khác, dựa trên nền tảng có mối quan hệ gần gũi với nhau về phương diện nổi bật nào đó. Nhằm giúp cho mọi người nắm bắt, nhận biết được những triết lý mà đức Phật muốn truyền tải, qua các thời pháp khác nhau.

Ứng dụng trong đời sống tu tập hàng để làm thăng hoa cho đời sống tâm linh, tiến lên giác ngộ giải thoát viên mãn tròn đầy, đây chính là điều đức Phật muốn gửi gắm đến các vị đệ tử của mình.

Xuất phát từ những vấn đề đó, tác giả đã chọn đề tài: "*Hoán dụ qua Kinh Kandaraka (Kandaraka Sutta) trong Kinh Trung Bộ*" để tiến hành phân tích làm rõ.

Nội dung

1. Tổng quan về Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya)

Kinh Trung Bộ (P. Majjhima Nikāya, Hán. □□□) là bộ kinh quan trọng thứ hai trong hệ thống 5 bộ kinh Pāli (Pāli Nikāya) của Phật giáo Thượng Tọa bộ (Theravāda), với tuyển tập 152 bài kinh có độ dài trung bình trong Kinh tạng Pāli (Sutta Piṭaka), tương ứng với 222 bài kinh trong Trung A-hàm kinh (S. Madhyama Āgama, Hán. □□□□) .

Kinh Trung Bộ chứa dựng tất cả những triết học quan trọng của đức Phật, trải dài 45 năm hoằng truyền chân lý bao gồm thế giới quan, nhân sinh quan, chính trị quan, xã hội quan, đạo đức quan, tu đạo quan, giải thoát quan.

Kinh Trung Bộ còn có một số bài kinh đối thoại liên tôn giáo và triết học, giữa đức Phật với các đạo sĩ Sa môn và Bà la môn đương thời, cũng như giữa các đệ tử đức Phật với các đạo sĩ tôn giáo khác.

Kinh Trung Bộ được chia thành 3 phần (Paṇṇāsa), 2 phần đầu mỗi phần gồm có 50 kinh, riêng phần cuối có 52 kinh. Trong mỗi phần lại chia ra 5 phẩm (Vagga), mỗi phẩm có 10 kinh, riêng phẩm thứ 15 gồm 12 kinh. Và cấu trúc Kinh Trung Bộ chia thành 3 phần, 15 phẩm rất đặc trưng dễ nhận biết.

Kinh Trung Bộ được dịch nhiều hơn bốn bộ còn lại của kinh điển Pāli. Bản dịch đầu tiên của Lord Chalmers với tựa đề *Further Dialogues of the Buddha* (Các cuộc đối thoại sâu sắc của đức Phật), 2 tập, London, Oxford University Press, 1926-1927.

Khoảng đầu năm 1960, Bhikkhu Nanamoli dịch bộ này với tựa đề *The Middle Length Discourses of the Buddha: A New Translation of the Majjhima Nikāya* (Những bài kinh có độ dài trung bình của đức Phật: Bản dịch mới Kinh Trung Bộ), đã hoàn thành bản thảo, nhưng chưa kịp xuất bản rồi viên tịch. Công việc này được Ngài Bhikkhu Bodhi phát tâm hiệu dính, và đặt lại tựa đề mới *The Middle Length Discourses of the Buddha* (Các bản kinh có độ dài trung bình của

đức Phật) với 2 tập.

Tại Việt Nam, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu với tựa đề Kinh Trung Bộ, 3 tập, xuất bản lần đầu năm 1973, tái bản năm 1986, 1992. Đây là bản dịch trung thành với nguyên tác Pāli, có tham khảo bản tiếng Anh của bà I. B. Homer: *The Collection ofthe Middle Length Sayings*. Đồng thời, Hòa thượng có tham khảo thêm bản tiếng Nhật trong Đại tạng kinh Nam truyền, những ghi chú bằng tiếng Anh và tiếng Hán, khi Hòa thượng theo học ở tại Hội Dharmaduta Vidhyalaya ở Colombo, Tích Lan từ năm 1952 đến 1955. Ấn bản mới nhất được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tái bản năm 2012, in thành 2 tập và các năm về sau còn tái bản thêm nữa.

2. Đặc điểm nổi bật Kinh Kandaraka (Kandaraka Sutta)

Kinh Kandaraka (P. Kandarakasuttam, H. □□□□□) nổi bật với câu chuyện trao đổi giữa Đức Thế Tôn với du sĩ Kandaraka và cư sĩ Pessa nói lên rằng sự gặp gỡ và trao đổi các vấn đề tôn giáo giữa Ngài và người bản xứ đương thời là phổ biến. Tùy theo cấp độ nhận thức và yêu cầu tâm linh của người đối thoại mà Ngài giới thiệu con đường vì lợi ích an lạc của họ. Tại đây, Đức Thế Tôn giới thiệu tổng quát về nếp sống không làm khổ mình, không làm khổ người. Đó chính là "*Nếp sống thoát ly khổ đau cho mình và người chỉ có một gọi là con đường độc nhất, đó là nếp sống hành thiện ba nghiệp thân, khẩu, ý, sống tiết độ, cảnh giác, chính niệm tỉnh giác*" [1; tr.192]. Và tiến hành hành trì tu tập trên nền tảng giới học, định học và tuệ học, dần dần đưa đến kết quả đoạn trừ các lậu hoặc, và phiền não ngủ sâu trong tâm.



Hình minh họa Kinh Kandaraka. Nguồn: Internet

Đồng thời, đức Phật đã phân tích 4 hạng người khác nhau, để chúng ta chọn hạng thứ tư sống đời sống phạm hạnh đáng tán thán, để tiến lên tu tập giác ngộ

giải thoát viên mãn tròn đầy. Và cụ thể có 4 hạng như sau: "*1. Hạng người tự hành khổ mình và chuyên tâm hành khổ mình; 2. Hạng người hành khổ người và chuyên tâm hành khổ người; 3. Hạng người tự hành khổ mình và hành khổ người; 4. Hạng người không hành khổ mình, không hành khổ người*" [2; tr.132]. Đức Thế Tôn giới thiệu hạng thứ nhất là hạng tà mạng ngoại đạo sống khổ hạnh, ép xác. Hạng thứ hai là hạng sát sinh và trộm cắp. Hạng thứ ba là hạng vua chúa, quyền thế mà sống tà kiến, tà mạng thực hiện các tế tự tà đạo. Hạng thứ tư sống đời sống phạm hạnh là tốt đẹp, đáng tán thán. Do đó, đức Phật khuyên bảo từ bỏ các nghiệp bất thiện của thân, khẩu, ý, làm chủ các giác quan, tu tập bốn niệm xứ, chứng đắc bốn thiền và ba minh, trở thành bậc Chân nhân và Thánh nhân, tu tập hướng đến cứu cánh Niết-bàn.

3. Tìm hiểu hoán dụ qua các phương diện tiêu biểu điển hình

3.1. Khái niệm phân loại hoán dụ

Từ "hoán dụ"(metonymy) xuất phát từ ngôn ngữ cổ đại trong tiếng Hy Lạp là "metonymia", có nghĩa là "đổi tên", là hậu tố dùng để thay đổi từ sự vật, hiện tượng hoặc khái niệm này, được gọi bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác có sự liên hệ gần gũi hoặc gắn kết với nó. Theo từ điển Tiếng Việt của GS. Hoàng Phê thì như sau: "*Hoán dụ là biện pháp gọi tên hiện tượng sự vật, khái niệm này bằng tên hiện tượng sự vật, khái niệm khác, trên cơ sở liên tưởng có mối quan hệ gần gũi với nhau, nhằm giúp cho người đọc nắm bắt nhận biết đặc điểm các sự vật hiện tượng một cách cô đọng xúc tích*" [3; tr.568].

Về phân loại hoán dụ có các phương diện tiêu biểu điển hình sau đây:

(1) Hoán dụ bộ phận để nói đến cái toàn thể: Là cách hoán dụ dùng một bộ phận sự vật hiện tượng nổi bật, để chỉ đặc điểm toàn bộ sự vật hiện tượng đó.

(2) Hoán dụ vật chứa đựng để nói đến cái vật bị chứa đựng: Là cách hoán dụ sử dụng những vật chứa đựng, để chỉ vật bị chứa đựng của các sự vật hiện tượng.

(3) Hoán dụ dấu hiệu của sự vật để nói đến dấu hiệu sự vật khác: Là cách hoán dụ sử dụng những dấu hiệu đặc trưng sự vật, để nói đến các sự vật hiện tượng khác.

(4) Hoán dụ cái cụ thể để nói đến cái trừu tượng: Là cách hoán dụ sử dụng các từ ngữ cụ thể, để liên tưởng đến cái chung cái trừu tượng các sự vật hiện tượng.

3.2. Chức năng của hoán dụ

(1) Chức năng tăng sức gợi hình: Hoán dụ giúp làm tăng sức gợi hình, giúp cho việc nhận biết các sự vật hiện tượng trực quan, sinh động hơn. Nhằm giúp cho người đọc nắm bắt và diễn đạt các sự vật hiện tượng đạt hiệu quả cao.

(2) Chức năng nhấn mạnh đặc điểm tính chất của sự vật: Bằng cách gọi tên sự vật, hiện tượng bằng những khía cạnh đặc trưng, hoán dụ giúp làm nổi bật đặc điểm, tính chất quan trọng mà tác giả nhấn mạnh sự vật hiện tượng đó.

(3) Chức năng gây ấn tượng tạo hiệu quả bất ngờ: Sự chuyển đổi bất ngờ giữa các khái niệm, sự vật có sự liên hệ mật thiết tạo nên sự bất ngờ, để thu hút sự chú ý của người đọc và giúp người học ghi nhớ nhận biết thông tin về các sự vật tốt hơn.

(4) Chức năng hình dung nhận biết sâu sắc sự vật hiện tượng: Hoán dụ sử dụng một cách hiệu quả giúp tác giả truyền tải thông điệp, ý tưởng, trong việc nhận biết sự vật hiện tượng một cách rõ ràng thấu suốt, với các ý nghĩa đầy đủ để giúp người đọc nắm bắt được triết lý mà tác giả muốn gửi gắm.

3.3. Ý nghĩa của hoán dụ

Hoán dụ đóng vai trò ý nghĩa nền tảng cơ sở quan trọng trong việc diễn tả, làm nổi bật các sự vật hiện tượng được nói đến. Đồng thời, "*Truyền tải các nội dung, triết lý vào trong các tác phẩm của mình thông qua các lớp ngôn ngữ, nhằm giúp cho người đọc nắm bắt được tính chất đặc điểm sự vật hiện tượng được nói đến, mang màu sắc đặc trưng mà tác giả muốn đề cập đến*" [4; tr.90].

Hoán dụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng được sử dụng như là pháp phương tiện, được đức Phật vận dụng khéo léo uyển chuyển, để truyền tải giảng giải giáo lý được nói đến thông qua các bài kinh khác nhau, đặc biệt trong Kinh Trung Bộ nói riêng và trong Kinh tạng Nikāya nói chung.

Hoán dụ giống như liều thuốc, làm cho người đọc kích thích trầm tư, ưu tư, tư duy, để nhận biết triết lý mà đức Phật muốn truyền tải thông qua các thời pháp khác nhau.

Hoán dụ có ý nghĩa quan trọng đối với người học, thông qua việc sử dụng hoán dụ như là cách thức phương tiện, như là chiếc cầu nối để thẩm thấu những triết lý sâu sắc mà đức Phật muốn truyền tải nằm sâu dưới lớp bờ mặt ngôn ngữ. Nếu như người đọc không tinh mắt, không nhận thức tư duy, không chiêm nghiệm quán sát, thì sẽ không nắm bắt được những tâm tư ưu tư mà đức Phật

muốn truyền tải thông qua các thời pháp thoại khác nhau, đây sẽ là thiếu sót vô cùng tiếc nuối đối với người đọc khi tiến hành nghiên cứu các bản kinh. Nhất là Kinh tạng Nikāya với việc triển khai các vấn đề gần gũi trong đời sống tu tập hàng ngày, nhưng hàm chứa nội dung ý nghĩa triết lý vô cùng sâu sắc, bởi vì đó là lời đức Phật vì tâm đại bi mà khai thị chỉ bày cho các vị đệ tử của mình.

Khi tiến hành nghiên cứu Kinh điển Phật giáo nhất là Kinh Trung Bộ. Thì người đọc đặt dưới lăng kính hoán dụ sẽ thấy rõ được vấn đề và giá trị nội dung giáo lý mà đức Phật muốn truyền tải. Cho nên, hoán dụ giống như chiếc kính lúp để giúp cho người đọc, soi rõ nắm bắt được bản chất sự vật hiện tượng nằm sâu dưới lớp bờ mặt ngôn ngữ. Mà đức Phật muốn gửi gắm vào trong các bản kinh một cách nhẹ nhàng, thấu đáo, tế nhị, sâu sắc, mang cả những trăn trở, suy nghĩ, ưu tư, muốn truyền tải đến các vị học trò của mình. Để từ đó ứng dụng vào trong sự hành trì tu tập hàng ngày tiến lến giác ngộ giải thoát cứu cánh Niết-bàn.

4. Hoán dụ bộ phận - toàn thể điển hình tiêu biểu qua Kinh Kandaraka (Kandaraka Sutta) trong Kinh Trung Bộ với các phương diện

4.1. Hoán dụ qua phương diện hạng tự hành khổ mình

Đối với hoán dụ bộ phận - toàn thể Ngài đã khéo léo vận dụng như là pháp phương tiện, với mô thức dùng bộ phận điển hình để biểu thị đại diện cho toàn thể còn lại, trong mối tương quan với nhau. Cụ thể trong kinh Kandaraka (Kandaraka Sutta), đức Phật đã làm rõ trên thế gian này có nhiều hạng người khác nhau, nhưng Ngài nêu lên bốn hạng người điển hình, với các đặc điểm đặc trưng đại diện cho toàn thể các hạng người còn lại cụ thể: "*1. Tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình; 2. Hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; 3. Vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người; 4. Vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người*" [5, tr.372].



Hình minh họa Kinh Kandaraka. Nguồn: Internet

Điển hình hạng người thứ nhất là hạng tà mạng ngoại đạo sống khổ hạnh, ép xác qua các phương diện: Sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, ăn phân bò, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại. Họ nghĩ rằng càng khổ hạnh như vậy thì sau khi chết sẽ được sinh lên cõi trời, nhưng thật ra sai lầm không đúng như vậy. Điển hình "*Đức Phật kể lại những khổ hạnh Ngài đã tu tập như hành hạ thân xác, hạnh bần uế, hạnh yểm ly, hạnh độc cư; trong cả 4 hạnh ấy không ai sánh được với Ngài, nhưng cuối cùng Ngài từ bỏ vì chúng không đưa đến chứng đắc trí tuệ*" [6, tr.81].

Và đức Phật chính là minh chứng điển hình, Ngài đã từng hành trì các khổ hạnh như thế rồi, xét về phương diện này thì không ai bằng Ngài cả, huống chi hạng tà mạng ngoại đạo sống khổ hạnh, ép xác, hành trì như thế không đưa đến kết quả gì cả, lại chịu thêm quả khổ đau sau này. Cho nên, Ngài khuyên cần từ bỏ mọi hình thái cực đoan, vì chúng là những gốc rễ tư duy sai lầm khiến con người mãi bị đọa dày trong cảnh khổ đau. Đó là lý do tại sao Ngài khuyên các đệ tử của mình tu tập đi theo con đường trung đạo xa rời hai thái cực, đó là hưởng thụ dục lạc và ép xác khổ hạnh.

4.2. Hoán dụ qua phương diện hạng hành khổ người

Hạng người thứ hai tự hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người: Giết trâu bò, giết heo, săn thú, là thợ săn, thợ đánh cá, ăn trộm, người xử tử, cai ngục và những người làm các nghề độc ác khác. Hạng này làm các nghề sát sinh và tạo

các nghiệp bất thiện.

Vì tạo các nhân bất thiện như vậy cho nên khi thân hoại mạng chung nhất định sinh về các nơi cõi ác, sinh trong địa ngục chịu quả báo khổ đau. Cho nên, "*Cần phải khuyến khích mọi người sinh sống bằng nghề nghiệp lương thiện và chính đáng, vì lòng từ bi yêu thương tất cả chúng sinh, đồng thời tất cả chúng sinh đều có Phật tính, cần được tôn trọng bảo vệ yêu thương che chở*" [7, tr.28].

Cần phải từ bỏ các nghề nghiệp bất thiện, cố gắng trau giồi lòng từ bi vô lượng, bao trùm tất cả mà không có sự phân biệt nào. Bởi vì, dưới ánh sáng trí tuệ sáng suốt cần nhận thấy được rằng: Qua vô lượng kiếp sống, các chúng sinh đã từng là cha mẹ, bà con quyến thuộc của chúng ta, do đó nỡ lòng nào lại sát hại chúng sinh hay sao. Cho nên, mới nói vạn sự vạn vật trên thế gian này đều có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau. Trong đó mỗi vật, mỗi sinh vật đều có chỗ đứng và có bổn phận hay chức năng của nó.

Cần phải hết sức thận trọng trước khi sát hại hay làm xáo trộn mất thế cân bằng của chúng. Đó chính là lý do tại sao chúng ta tránh tạo các nghiệp bất thiện, và sinh sống bằng nghề nghiệp lương thiện chính đáng, mở rộng tâm từ bao dung tất cả mọi loài. Để từ đó, hướng đến đời sống an lạc hạnh phúc cho mình, cho tất cả mọi người và cho cộng đồng xã hội.

4.3. Hoán dụ qua phương diện hạng tự hành khổ mình, vừa hành khổ người

Hạng thứ ba là hạng vua chúa, quyền thế nhưng sống tà kiến, tà mạng, thực hiện các tế tự tà đạo. Cho nên, mới ra lệnh hãy giết bò, dê, cừu, và các chúng sinh khác để tế lễ. Và những người nô tỳ, những người phục vụ, những người làm công, những người này vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm, với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc này. Do đó, vừa tự hành khổ mình và vừa hành khổ người, bởi vì cùng chịu chung quả báo sát sinh. Cho nên, mới nói không tự giết, không bảo người giết, và không vui vẻ khi thấy người giết. Bởi vì, đây là những nhân bất thiện thì về sau chịu quả bất thiện đầy khổ đau. Vì vậy, hạng vừa tự hành khổ mình và vừa hành khổ người, với đặc điểm điển hình: "*Hạng này bám víu vào các nghi thức, nghi lễ phát sinh từ sự nhận thức thiếu hiểu biết phi lý về những thứ ấy, tất cả chỉ là một sự bám víu sai lầm vào những gì mà người ta thường đem ra thực thi, liên quan đến các thứ mê tín dị đoan toàn là sai lầm*" [8, tr.46].

Do đó, tạo nên các nghiệp bất thiện về sau gây khổ đau cho mình và cho người. Cho nên, chúng ta là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự của nghiệp, nghiệp là

thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào sẽ làm, thiện hay ác, chúng ta sẽ thừa tự nghiệp ấy vậy. Chính vì ý thức như vậy nên chúng ta cần phải tránh xa các nghiệp bất thiện, làm tất cả các điều thiện lành, ngỏ hầu đem đến quả an lạc hạnh phúc về sau, từ thiện nghiệp con người dễ đi các cảnh giới tốt hơn.

Do đó, ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ ý tạo, nếu với ý thanh tịnh, nói năng hay hành động, an lạc bước theo sau, như bóng không rời hình vậy. Cho nên, quả của nghiệp bị ảnh hưởng tới những hành động tốt hoặc xấu của chúng ta, sẽ đem lại những kết quả khổ đau hay hạnh phúc về sau. Ý thức được điều này, chúng ta luôn giữ cho thân, khẩu, ý chúng ta luôn thanh tịnh, rồi mới hướng đến tu tập giải thoát được.

4.4. Hoán dụ qua phương diện hạng không tự hành khổ mình và không hành khổ người

Hạng người thứ tư vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình. Vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người.

Họ hiện tại sống không tham dục, tịch tịnh, không có những tâm bệnh kể trên. Chỉ có hạng thứ tư sống đời sống phạm hạnh là tốt đẹp, đáng tán thán. Chính vì vậy, nếp sống phạm hạnh là nếp sống giúp chúng ta an lạc hạnh phúc, xa rời tham sân si, xa rời các phiền não, hướng đến đời sống giác ngộ giải thoát viên mãn tròn đầy.

Cho nên, "*Ví như nước đại dương chỉ có một vị mặn, pháp này cũng một vị đó là vị giải thoát, do đó sự giải thoát là sự an ổn tối thượng thoát khỏi mọi trói buộc, thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử tối tăm, để tiến lên tu tập đạt đến cứu cánh Niết-bàn*" [9, tr.63].

Hơn nữa, trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay với mức sống con người ngày càng được nâng cao nên những điều mới lạ, không tốt cho đạo đức cũng xuất hiện rất nhiều. Rồi những hành vi đi ngược lại thuần phong, mỹ tục, thậm chí phản tiến bộ, đều tiềm ẩn những nguy cơ cho giới trẻ. Chính vì vậy, cần phải đem những triết lý mà đức Phật đã giảng dạy, để ứng dụng vào trong sự hành trì tu tập hàng ngày, để làm thăng hoa đời sống tâm linh cho tất cả mọi người.

Điều quan trọng hơn đem đến lợi ích cho bản thân và tha nhân, qua đó không ngừng đóng góp vào xã hội đất nước ngày càng phát triển tốt đẹp, an lạc, hạnh phúc hơn. Vì một thế giới hòa bình, tương lai tươi sáng, hướng đến tất cả mọi người cùng tu tập giải thoát, thế mới không cô phụ tấm lòng của đức Phật vì lòng từ bi vô bờ bến, đối với tất cả chúng sinh mà thị hiện trên thế gian này.

Kết luận

Chính vì vậy, khi tiến hành nghiên cứu Kinh điển Phật giáo nhất là Kinh Trung Bộ. Thì người đọc đặt dưới lăng kính hoán dụ sẽ thấy rõ được vấn đề và giá trị nội dung giáo lý mà đức Phật muốn truyền tải. Cho nên, hoán dụ giống như chiếc kính lúp để giúp cho người đọc, soi rõ nắm bắt được bản chất sự vật hiện tượng, các triết lý mà đức Phật đã giảng dạy nằm sâu dưới lớp bờ mặt ngôn ngữ. Nếu như người đọc không tinh mắt, không nhận thức tư duy, không chiêm nghiệm quán sát, thì sẽ không nắm bắt được những tâm tư, ưu tư mà đức Phật muốn truyền tải thông qua các thời pháp thoại khác nhau. Nhất là Kinh tạng Nikāya với việc triển khai các vấn đề gần gũi trong đời sống tu tập hàng ngày, nhưng hàm chứa nội dung ý nghĩa triết lý vô cùng sâu sắc, bởi vì đó là lời đức Phật vì tâm đại bi mà khai thị chỉ bày cho các vị đệ tử.

Hoán dụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng được sử dụng như là pháp phương tiện, được đức Phật vận dụng khéo léo uyển chuyển, để truyền tải giảng giải giáo lý được nói đến thông qua các bài kinh khác nhau, trong Kinh Trung Bộ nói riêng và trong Kinh tạng Nikāya nói chung. Vì thế, hoán dụ giúp cho người đọc kích thích sự trầm tư, ưu tư, tư duy, để nhận biết triết lý mà đức Phật muốn truyền tải thông qua các thời pháp khác nhau. Từ đó, ứng dụng trong đời sống tu tập hàng để làm thăng hoa cho đời sống tâm linh, tiến lên giác ngộ giải thoát viên mãn tròn đầy, đây chính là điều đức Phật muốn gửi gắm đến cho các vị đệ tử của mình.

Tác giả: **Thích Vạn Nghiêm**

Học viên Cao học Khoa Triết học Phật giáo, Khóa IV - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

***

Tài liệu tham khảo:

1] Thích Chơn Thiện (2017), *Tìm hiểu Trung Bộ Kinh, tập 1, 2, 3*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

2] Thích Minh Châu (2011), *Dàn ý Kinh Trung Bộ & Tóm tắt Kinh Trường Bộ*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

3] Hoàng Phê (2021), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh

4] Lee, D. (Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hoàng An dịch) (2016), *Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

5] Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam (2022) (Thích Minh Châu dịch), *Kinh Trung Bộ*, Nxb. Hồng Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.

6] Thích Nữ Trí Hải (2002), *Toát yếu Kinh Trung Bộ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

7] Thích Thánh Nghiêm (Minh Chi biên dịch) (2011), *Phật giáo chánh tín*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

8] Buddhadasa Bhikkhu (Hoàng Phong chuyển ngữ) (2012), *Quyển sách cho nhân loại*, Nxb. Phương Đông, Thành Phố Hồ Chí Minh.

9] Piyadassi Thera (Pháp Thông dịch) (2006), *Con đường cổ xưa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.